TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 01/2025/QĐST- HNGĐ	*Ninh Bình, ngày 01 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 111/2025/TLST- HNGĐ ngày 20/6/2025 (của Toà án nhân dân huyện Y cũ) về Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh ngày 05/9/1982 .

Số căn cước công dân: 0371820030xx.

HKTT: xóm A, xã K, huyện Y (nay là xã K), tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở hiện nay: Trung tâm thương mại K, tổ G, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh ngày 20/5/1975.

Số căn cước công dân: 0370750098xx

Địa chỉ: xóm A, xã K, huyện Y (nay là xã K), tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị M và anh Đỗ Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Chị Phạm Thị M và anh Đỗ Văn T đều xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Đỗ Thị Diễm Q, sinh ngày 29/06/2002; cháu Đỗ Thị Diễm H, sinh ngày 19/02/2004 và cháu Đỗ Thị Hương G, sinh ngày 11/07/2010. Hiện nay cháu Q và cháu H đã trưởng thành, nên các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối

với cháu G còn nhỏ, khi ly hôn chị M và anh T thống nhất thỏa thuận giao cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con chị M và anh T tự giải quyết, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung*: Chị Phạm Thị M và anh Đỗ Văn T tự giải quyết, nên không đề nghị Tòa giải quyết.

- *Về công nợ chung*: Chị Phạm Thị M và anh Đỗ Văn T đều xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Phạm Thị M và anh Đỗ Văn T thống nhất thỏa thuận chị M nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số BLTU/24 số 0001224 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.Chị M được hoàn trả lại 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình (1).*
- *VKSND khu vực 4- Ninh Bình (3).*
- *THADS tỉnh Ninh Bình. (1).*
- *UBND xã K*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy